

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HS-PT

Ngày: 17 – 8 – 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quí

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trinh

Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 91/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thu H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2020/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận U.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thu H, sinh ngày: 24/7/1962 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: Số 152/18 Cách mạng tháng Tám, phường X, quận U, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (c) và bà Nguyễn Thị U; chị em ruột có 06 người (lớn nhất sinh năm 1947, nhỏ nhất sinh năm 1976); có chồng Tô Quốc T và có 02 người con (lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1990); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (*có mặt*).

Trong vụ án còn có bị cáo khác không có đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH C được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp số 1800987309 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 01/6/2009; có trụ sở chính tại: Số 152/18 Cách mạng tháng Tám, phường X, quận U, thành phố Cần Thơ; ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất vali, túi xách, xây dựng

và các loại tương tự; có vốn điều lệ 9.000.000.000 đồng, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Tô Quốc T – Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty. Vào tháng 10/2013, Công ty TNHH C có ký hợp đồng in với Công ty P 04 quyền hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu HC/13P từ số 0000001 đến số 0000200.

Trong công tác quản lý, Chi cục thuế quận U phát hiện Công ty TNHH C không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký với Cơ quan thuế. Qua xác nhận tình hình phát hành và sử dụng hóa đơn thì Công ty TNHH C có sử dụng hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu HC/13 nhưng không thông báo phát hành. Do đó, toàn bộ hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu HC/13P của Công ty TNHH C không có giá trị sử dụng nhưng Công ty TNHH C đã sử dụng hóa đơn GTGT từ số 0000001 đến số 0000053 nên Chi cục thuế quận U có Công văn số: 558/CCT-KTT1 ngày 23/5/2017 gửi Công an quận U để hỗ trợ điều tra xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra đã chứng minh, Công ty TNHH C không còn hoạt động, đã bỏ địa chỉ kinh doanh. Nhưng từ tháng 11/2013 đến tháng 8/2017, Tô Quốc T đã trực tiếp ký bán cho Nguyễn Thu H – chủ cửa hàng giày dép C địa chỉ lô 16 – 18 chợ An Hòa, phường An Hòa, quận U, thành phố Cần Thơ 46 tờ hóa đơn GTGT ký hiệu HC/13 lấy 10% tiền hóa đơn để Cửa hàng giày dép C xuất cho 07 Công ty, đơn vị. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận U đã thu giữ 02 quyền hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu HC/13P có số thứ tự từ 0000101 đến 0000200; còn 02 quyền hóa đơn GTGT từ số 0000001 đến số 0000100 không thu hồi được.

Tổng doanh số hàng hóa thể hiện trên các tờ hóa đơn là 139.114.000 đồng, tổng thuế giá trị gia tăng là 13.911.400 đồng; tổng tiền hàng và tiền thuế giá trị gia tăng là 153.025.400 đồng. Như vậy, Tô Quốc T đã thu lợi bất chính số tiền 13.911.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thu H – chủ Cửa hàng giày dép C tại lô 16 – 18 chợ An Hòa, phường A, quận U, thành phố Cần Thơ có mối quan hệ vợ chồng với Tô Quốc T. Do hàng hóa của Cửa hàng mua vào không có hóa đơn, chứng từ nên H đến Công ty TNHH C mua hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu HC/13P và trả tiền cho Tô Quốc T hoặc kế toán Công ty để đưa cho các Công ty, đơn vị mua hàng cụ thể: Công ty Cổ phần may Tây Đô 33 hóa đơn GTGT với số tiền hàng là 112.569.000 đồng, tiền thuế GTGT là 11.256.900 đồng, tổng tiền hàng và tiền thuế GTGT là 123.852.900 đồng; Bệnh viện Quốc tế B 05 hóa đơn GTGT với số tiền hàng là 2.640.000 đồng, tiền thuế GTGT là 264.000 đồng, tổng tiền hàng và tiền thuế GTGT là 2.904.000 đồng; Công ty Cổ phần DVBV D – Cần Thơ 01 hóa đơn GTGT với số tiền hàng là 6.500.000 đồng, tiền thuế GTGT là 650.000 đồng, tổng tiền hàng và tiền thuế là 7.150.000 đồng; Công ty TNHH Dược phẩm E 02 hóa đơn GTGT với số tiền hàng là 11.810.000 đồng, tiền thuế GTGT là 1.181.000 đồng, tổng tiền hàng và tiền thuế GTGT là 12.991.000 đồng; Trung tâm sức khỏe sinh sản cộng đồng – Chi nhánh Cần Thơ 02 hóa đơn GTGT với số tiền hàng là 1.385.000 đồng, tiền thuế GTGT là 138.500 đồng, tổng tiền hàng và tiền thuế là 1.523.500 đồng; Công ty Cổ phần

May S 02 hóa đơn GTGT với số tiền hàng là 3.460.000 đồng, tiền thuế GTGT là 346.000 đồng, tổng tiền hàng và tiền thuế GTGT là 3.806.000 đồng; Nhà khách Y 01 hóa đơn GTGT với số tiền hàng là 750.000 đồng, tiền thuế GTGT là 75.000 đồng, tổng tiền hàng và tiền thuế GTGT là 825.000 đồng.

Công ty Cổ phần may Đ, Bệnh viện Quốc tế B, Công ty Cổ phần DVBV D – Cần Thơ, Công ty TNHH Dược phẩm E, Trung tâm sức khỏe sinh sản cộng đồng – Chi nhánh Cần Thơ, Công ty Cổ phần May S, Nhà khách Y không có mối quan hệ làm ăn với Công ty TNHH C và Tô Quốc T nhưng khi mua hàng tại Cửa hàng giày dép Cở chợ A thì được chủ Cửa hàng xuất hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu HC/13P của Công ty TNHH C, không biết các hóa đơn này không có giá trị sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận U đã hướng dẫn đến Chi cục thuế nơi đã đăng ký thuế để kê khai bổ sung, điều chỉnh thuế theo quy định. Ngoài ra, các Công ty, đơn vị trên đã tự nguyện giao nộp lại số hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001 ký hiệu HC/13P của Công ty TNHH C cho Cơ quan điều tra.

Đối với số hóa đơn mất – hủy, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Cục thuế các tỉnh, thành phố hỗ trợ cung cấp thông tin các Công ty, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng hóa đơn của Công ty TNHH C.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2020/HSST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân quận U đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thu H số tiền 200.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt đối với Tô Quốc N, biện pháp tư pháp, kiến nghị, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, vào ngày 05/6/2020, bị cáo Nguyễn Thu H có đơn kháng cáo xin miễn giảm nộp tiền phạt với lý do đã lớn tuổi thường hay đau yếu, đang mắc nhiều bệnh mãn tính; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, gia đình có thờ cúng liệt sỹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thu H trình bày không biết hành vi mà bị cáo đã thực hiện là mua bán trái phép hóa đơn, các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH C bị cáo đã xuất cho người mua hàng hóa là theo hợp đồng mua bán và giữa bị cáo với Công ty TNHH C có ký thỏa thuận ký gửi hàng hóa nên đề nghị xem xét cho bị cáo. Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên nhận định: Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo; đã có xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt phạt đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không bổ sung thêm chứng cứ về các tình tiết mới, các lý do kháng cáo đã được xem xét tại cấp sơ thẩm và sẽ được xem xét trong quá trình chấp hành án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Bị cáo Nguyễn Thu H là người đã thành niên, là chủ cửa hàng giày dép C, có đầy đủ nhận thức pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của Tô Quốc T. Bị cáo thừa nhận quá trình kinh doanh, do bị cáo mua nhập hàng hóa không rõ xuất xứ, không có hóa đơn chứng từ đầu vào nên khi bán hàng bị cáo không xuất được hóa đơn giá trị gia tăng cho người mua hàng hóa tại cửa hàng. Để hợp thức hóa hàng hóa mua vào và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho người mua hàng, bị cáo đã mua của Công ty TNHH C do Tô Quốc T là chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc và cũng là người đại diện của Công ty tổng cộng 46 hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi giá trị hàng hóa với tổng số tiền là 153.025.400 đồng để xuất bán cho khách hàng nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, tài chính, gian dối về xuất xứ hàng hóa trong kinh doanh diễn ra trong thời gian dài, thể hiện tính xem thường pháp luật. Hiện nay loại tội phạm này diễn ra ngày càng nhiều với thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp nên cần xử lý nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo số tiền 200.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước là mức khởi điểm của khung hình phạt là không cao.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận quá trình điều tra do bị cáo tự nguyện khai báo, có đọc lại và đồng ý ký tên. Bị cáo bổ sung hợp đồng mua bán giữa Công ty TNHH C với Công ty Cổ phần may Đ và hợp đồng ký gửi hàng hóa giữa bị cáo với Công ty TNHH C. Tuy nhiên, người đại diện của Công ty Cổ phần may Đ đã khẳng định mua hàng hóa trực tiếp từ bị cáo và Tô Quốc T thừa nhận không có ký gửi hàng hóa với bị cáo mà chỉ bán hóa đơn cho bị cáo và không có mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần may Đ; hợp đồng mua bán hàng hóa chỉ hợp thức hóa hóa đơn số 0000109; quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận các hóa đơn GTGT xuất cho những người mua hàng hóa là mua của Công ty TNHH C nên đây không phải là chứng cứ mới. Các lý do bị bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thờ cúng liệt sỹ đã được xem xét ở cấp sơ thẩm và sẽ được xem xét trong quá trình bị cáo chấp hành án. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Do bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm nên có bổ sung điều luật áp dụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, có bổ sung điều luật áp dụng.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thu H số tiền 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng Q.U;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý